

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-11-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.
2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp G, xã B, huyện HƯ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ta, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp L, xã LT, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng: Ngô Thị Thu H, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp L, xã LT, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T, có mặt tại phiên tòa, ,anh Ta và bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2020, bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T trình bày: Chị và anh Ta cưới nhau năm 2013, hôn nhân do anh chị tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Long Thuận, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận không có mâu thuẫn. Đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, anh Ta thường xuyên ăn nhậu, hăm dọa, đánh chị nhiều lần và còn uy hiếp chị cung cấp tiền để chi tiêu nên không còn sống chung với nhau. Sau khi không còn sống chung thì không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay chị Lê Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Ta, vì tình cảm không còn. Về con chung: Có 01 con chung tên: Nguyễn Lê Khánh P, sinh ngày 19/01/2015, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Ta không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, không có mặt tại phiên tòa và không cung cấp văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng Ngô Thị Thu Hồng trình bày: Bà là mẹ ruột của Nguyễn Văn Ta. Theo bà biết Ta và T có mâu thuẫn và có đánh nhau, với lý do Ta thường xuyên ăn nhậu làm ảnh hưởng công việc dẫn đến Ta thay đổi nhiều công ty. Ta không có nhà nhưng bà và Ta thường xuyên liên lạc bằng điện thoại và khi gia đình có đám tiệc thì Ta cũng có về nhà.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Về tình cảm: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Cẩm T; Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Khánh Phúc, sinh ngày 19/01/2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Chị T tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bị đơn Nguyễn Văn Ta vắng mặt lần thứ hai nhưng không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên tiếp tục xét xử vụ án phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người làm chứng Ngô Thị Thu Hồng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng việc vắng mặt của bà Hồng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên tiếp tục xét xử vụ án phù hợp với quy định tại Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lê Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Ta, yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Ta cư trú tại ấp Long Hưng, xã Long Thuận, huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn Ta cưới nhau năm 2013, hôn nhân do anh chị tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Long Thuận, huyện H, tỉnh Đồng Tháp phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy anh Nguyễn Văn Ta không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án, nhưng khi Tòa án mời anh Tài về hòa giải đoàn tụ cho anh chị thì anh Ta vắng mặt, điều này thể hiện việc anh Ta không còn tình cảm đối với chị T và không muốn đoàn tụ lại với chị T. Mặt khác, Chị T trình bày anh Ta thường xuyên ăn nhậu, hăm dọa, đánh chị nhiều lần và còn uy hiếp chị cung cấp tiền để chi tiêu và theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 07 tháng 10 năm 2020 (Bút lục số 19), đây là hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân giữa chị T và anh Ta lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy lời trình bày của chị T có đủ cơ sở để chấp nhận. Từ các phân tích trên đã có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Cẩm T.

2.2. Về con chung: Chị Lê Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn Ta có 01 con chung tên Nguyễn Lê K, sinh ngày 19/01/2015 (Đang sống với chị T), chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng, anh Ta không gửi văn bản ghi ý kiến tranh chấp về việc nuôi con nên giao con chung tên Nguyễn Lê K, sinh ngày 19/01/2015 cho chị Lê Thị Cẩm T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn Ta không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn Ta không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp.

2.3. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Nguyễn Văn Ta không có văn bản ghi ý kiến tranh chấp nên không đặt ra để xem xét.

2.4. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Nguyễn Văn Ta không có văn bản ghi ý kiến tranh chấp nên không đặt ra để xem xét.

[3] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Chị Lê Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BH/2018 0001416 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Lê Thị Cẩm T không phải nộp thêm.

4.2. Anh Nguyễn Văn Ta không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 229, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Cẩm T. Cho chị Lê Thị Cẩm T ly hôn với anh Nguyễn Văn Ta.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Cẩm T.

Chị Lê Thị Cẩm T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê K, sinh ngày 19/01/2015 (Đang sống cùng chị T), anh Nguyễn Văn Ta không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn Ta không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

3.1. Chị Lê Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BH/2018 0001416 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Lê Thị Cẩm T không phải nộp thêm.

3.2. Anh Nguyễn Văn Ta không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Chí Thúc